TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 297/2018/QĐST-HNGĐ	*Cao Lãnh, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2018/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa chị Phạm Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 6, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp, anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1981; địa chỉ: khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp và Lê Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp 6, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh D thống nhất con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/4/2016 sẽ do chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Chị T và anh D đồng ý mỗi người trả cho chị Lê Thị P số tiền vật tư còn thiếu là 22.097.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp 75.000 đồng đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình và 552.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000612 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Số tiền chị T còn phải tiếp tục nộp 327.500 đồng.

Anh D đồng ý nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và 552.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Chị Lê Thị P không phải chịu án phí và được hoàn trả lại 1.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000771 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND HCL;
- CCTHADS HCL;
- TA Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trung Dũng